|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 17/11/10/2024** | **Dạy** | **Ngày** | **3/12 /2024** | **5/12/2024** |
| **Tiết** | **1** | **2** |
| **Lớp** | **7B** | |

|  |
| --- |
| **BÀI 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**  **TIẾT 49,50: THTV**  **MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU**  **BẰNG CỤM CHỦ VỊ** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Hs nắm được cách mở rộng thành phần câu bằng cụm chủ vị.

- Có các kĩ năng cần thiết về mở rộng thành phần chính bằng cụm chủ vị.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt:

+ Nhận biết được các chủ ngữ, vị ngữ được cấu tạo từ các cụm từ.

+ Tạo lập đoạn văn trong đó có sử dụng chủ ngữ, vị ngữ được mở rộng bằng cũng chủ vị.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: Trò chơi đuổi hình bắt chữ

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động chung cả lớp**  **Bước 1.** GV đưa câu hỏi  1. Xác định thành phần chính trong câu văn sau:  *(a)* Xuân đã về.  *(b)* Mùa xuân tươi đẹp đã về.  2. Nhận xét về cấu tạo cấu tạo của CN câu b có gì đặc biệt?  **Bước 2**: + HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.  **Bước 3:** HS trình bày. HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: *Trong nhiều trường hợp chúng ta bắt gặp cụm chủ-vị làm một thành phần nào đó của câu hoặc một thành phần của cụm từ. Cách dùng như vậy gọi là mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ - vị. Để hiểu kĩ cách dùng này bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu..* | - HS xác định:  (a) Xuân// đã về.  *CN VN*  (b) Mùa xuân/ tươi đẹp// đã về. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

*a. Mục tiêu:* Các cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng mở rộng các thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả

*b. Nội dung:* GV hướng dẫn HS vận dụng KT để thực hiện nhiệm vụ bằng sơ đồ tư duy.

*c. Sản phẩm:* Sơ đồ tư duy của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:** GV nêu yêu cầu  1. Xem lại phần chuẩn bị bài ở nhà, trao đổi với bạn bên cạnh (2 phút) thống nhất phần tìm hiểu các cách mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị.  **Bước 2:** - HS trao đổi, thảo luận.  **Bước 3:** Đại diện nhóm báo cáo. Nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Kiến thức cơ bản**  Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:  - Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ  - Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ. |

**Tìm hiểu về cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ- vị.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cấu tạo** | Câu mở rộng thành phần chính bằng cụm chủ-vị có từ hai kết cấu C-V trở lên, trong đó chỉ có một kết cấu C-V làm nòng cốt câu, các kết cấu C-V còn lại làm thành phần câu. | |
| **Mô hình minh hoạ** | C-V, C-V  Chủ ngữ - Vị ngữ | |
| **Phân loại, ví dụ** | - Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ, vị ngữ.  VD: bài tập thầy giáo giao/ rất khó.  Tôi/ đến thăm một ngôi làng mà tôi từng đến năm xưa | - Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ, vị ngữ.  Vd: Gió thổi to/ khiến cây đổ.  Hàng cây/ lá xanh bốn mùa. |
| **Lưu ý** | Trong câu dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo vị ngữ, xét mối quan hệ giữa chủ ngữ của nòng cốt câu với chủ ngữ của kết cấu C-V bị bao trong thành phần vị ngữ, người ta thấy đó thừơng là mối quan hệ chỉnh thể- bộ phận. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

*a. Mục tiêu:* HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị.

*b. Nội dung:* Học sinh làm tập SGK/90-91.

*c. Sản phẩm:* Phần bài tập hs đã làm*.*

*d. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu cho HS làm việc cá nhân  H : Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là chủ ngữ vị ngữ trong mỗi vị ngữ đó.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **VN là CĐT** | **Động từ trug tâm** | **TTP là cụm C-V trong VN** | | a |  |  |  | | b |  |  |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát SGK tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Thực hành**  **Bài tập 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **VN là CĐT** | **V trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm C-V trong VN** | | a | tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên | Tưởng | mình / không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên | | b | cũng làm kí ức ta quay lại với những kỷ niệm của tuổi thơ | làm | kí ức ta/ quay lại với những kỷ niệm của tuổi thơ | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Thực hiện nhóm bàn  ? Tìm vị ngữ là cụm chủ vị trong BT 2?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát SGK tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá** - Gv nhận xét, chốt KT. | **Bài tập 2**     |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Vị ngữ** | **Cụm chủ vị** | | a | vẫn nét mặt hằm hằm | nét mặt / hằm hằm | | b | tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía | tay /cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Thực hiện cặp đôi  ?BT 3 yêu cầu chúng ta làm gì?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát SGK, thảo luận tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bài tập 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Chủ ngữ là cụm danh từ** | **Danh từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm C-V trong CN** | | a | Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi | quần áo | má nuôi tôi vừa khâu cho tôi | | b | Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc | Chuyện | bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc | |
| **B1: Chuyển giao-**GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 4(SGK/91)  ? Hãy hoạt động nhóm đôi thống nhất đáp án bài tập 4 sau đó trình bày.  \*GV gợi ý: Cũng giống như bài trước để xác định chủ ngữ là cụm danh từ thì mình phải xác định chủ ngữ.  **B2: Thực hiện:** HS trao đổi, thảo luận.  **B3: Báo cáo**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá**  - GV đánh giá, nhận xét,chốt kiến thức | **Bài tập 4**  a) trời mưa to  b) Câu nói nghĩa lí của con bé bảy tuổi hình như có một sức mạnh thần bí |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu

H: Viết một đoạn văn khoảng (5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học trong đó có sử dụng ít nhất một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.

- Hs thực hiện nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**B3: Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**B4: Đánh giá:** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\*GV gợi ý:**

**+ Hình thức:** Đoạn văn có dung lượng 5-7 dòng và hạn chế lỗi chính tả, diễn đạt mạch lạc, rõ ý. Gạch chân chỉ rõ chủ nghữ và vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.

**+ Nội dung:**

- Giới thiệu về văn bản nghị luận đã học.

- Nhận xét hệ thống lý lẽ, dẫn chứng của văn bản nghị luận đó.

- Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về văn bản nghị luận như thích, hứng thú...

- Chú ý yêu cầu cần có một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.(Gạch chân chỉ rõ chủ nghĩa và vị ngữ đó).

**\*\*Hướng dẫn về nhà:**

- Học kĩ bài, hoàn thiện bài tập.

- Đọc và trả lời câu hỏi cho bài “Sức hấp dẫn của 2 vạn dặm dưới đáy biển”.

+ Nhóm 1: Tìm hiêu thông tin tác giả

+ Nhóm 2: Tìm hiểu tác phẩm

-Đọc và trả lời câu hỏi

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 25/11/10/2024** | **Dạy** | **Ngày** | **6/12 /2024** | **07/12/2024** |
| **Tiết** | **1** | **3** |
| **Lớp** | **7B** | |

**Tuần 13**

|  |
| --- |
| **TIẾT 51,52: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**  **SỨC HẤP DẪN CỦA TÁC PHẨM**  **HAI VẠN DẶM DƯỚI ĐÁY BIỂN**  **- Lê Phương Liên -** |

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức:**

- HS nắm được đặc điểm hình thức và nội dung của văn bản.

- Nhận biết đặc điểm hình thức của văn bản nghị luận.

**2.** **Về năng lực:**

*a. Năng lực chung.*

- Biết tự học, tự chủ trong việc đọc - hiểu một văn bản nghị luận văn học , biết hợp tác và sáng tạo để tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

*b. Năng lực đặc thù:*

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học

- *Đọc hiểu nội dung:* Nhận biết được nội dung văn bản thể hiện: Sự sáng tạo và trí tưởng tượng của nhà văn Giuyn Véc-nơ trong các sáng tác của mình, khẳng định ông là nhà văn tiên phong trong thể loại khoa học viễn tưởng. Khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người

*- Đọc hiểu hình thức*: Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận ( ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của tác giả.

- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

**3. Về phẩm chất:**

**- *Chăm học, chăm làm****:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

**- *Trách nhiệm:*** Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp, ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến SP** |
| **Bước 1:** GV nhắc lại yêu cầu:  *Trong tiết trước, cô đã yêu cầu các em về nhà đọc trước cuốn truyện “Hai vạn dặm dưới đáy biển”. Một bạn hãy kể tóm tắt lại truyện.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** HS nghe và trả lời  **Bước 3:** HS trình bày sản phẩm  **Bước 4:** Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học  **+ GV dẫn dắt**: Văn học cổ điển luôn có một sức lôi cuốn riêng của nó, và tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” cũng không ngoại lệ. Tác giả Jules Verne đã đưa ra nhiều ý tưởng đi trước thời đại về tàu ngầm, và cách mô tả đáy biển của ông khiến người đọc bị cuốn hút Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu một văn bản nghị luận về truyện này. |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. Đọc, Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến SP** |
| **Hoạt động chung cả lớp**  **Bước 1:** – GV hướng dẫn HS đọc văn bản. Cách đọc: to, rõ ràng, chú ý nhấn giọng ở những câu văn nêu dẫn chứng.  - GV giao nhiệm vụ nghiên cứu PHT số 1 ở tiết trước. Mời các nhóm xung phong thuyết trình kết quả.  *1. Em hãy giới thiệu những nét cơ bản về tác giả* Lê Phương Liên  *2.Em cho biết thể loại, phương thức biểu đạt của văn bản?*  3.Văn bản “Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển” viết về vấn đề gì?  *4.Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần?*  **Bước 2:**  + HS trao đổi thảo luận và trả lời  **Bước 3:**  + HS đại diện trình bày sản phẩm thảo luận, HS khác bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  1/ Đọc, chú thích  2/ Tìm hiểu chung  *a. Tác giả*  Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” - Ngữ văn lớp 7 - Cánh diều (ảnh 1)  - Tác giả: Lê Phương Liên sinh năm 1951  - Quê quán: Hà Nội.  - Từng là cô giáo sau khi tốt nghiệp khoa Toán - Lý trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.  - Tác phẩm: truyện vừa “*Những tia nắng đầu tiên”*và truyện ngắn “*Câu hỏi trẻ thơ”* là tác phẩm đầu tay. Bên cạnh đó còn có các tác phẩm: *Khi mùa xuân đến, Hoa dại, Bức tranh còn vẽ, Én nhỏ, Khúc hát hạnh phúc, Dòng thu, Cuộc phiêu lưu của chú rối Tễu, Khu vườn biết nói, Ký ức ánh sáng..*  - Bà có rất nhiều những sáng tác đặc sắc dành cho thiếu nhi  *b. Tác phẩm*  a. Thể loại: Nghị luận văn học.  b. Phương thức biểu đạt: Nghị luận.  c. Bố cục:  ***-*** Phần 1: Từ đầu ... kì lạ. Giới thiệu những nét đặc sắc của tác phẩm.  - Phần 2: Tiếp ...của tác giả. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc  - Phần 3: Tiếp ... tình người? Sự sáng tạo của Véc-nơ.  - Phần 4: Còn lại. Vị trí của Véc-nơ trên diễn đàn văn học thế giới. |

**II. Đọc – Tìm hiểu chi tiết**

**1. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản**

**a. Mục tiêu:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm văn bản nghị luận văn học “Sức hấp dẫn của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển*”; đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển, nghệ thuật viết VNL của tác giả Lê Phương Liên

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và Bản thuyết trình thảo luận nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt chung cả lớp**  **Bước 1.** GV yêu cầu HS đọc phần (1) và trả lời các câu hỏi:  (1) Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? (nằm ở nhan đề văn bản)  (2) Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? (Thể hiện khái quát vấn đề nghị luận)  (3) Mục đích của văn bản là gì?  (4) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** HS thảo luận và trả lời **Bước 3:** HS trình bày SP thảo luận  **Bước 4:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **1. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản**  **a. Vấn đề nghị luận:** Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển.  **b.** **Mục đích của văn bản:** Giúp người đọc hiểu thêm về các nhân vật, lối viết độc đáo của truyện. Đặc biệt, đó là thông điệp mà tác giả muốn truyền tải đến người đọc qua các tình huống truyện được dựng lên Từ đó người đọc thấy được sự hấp dẫn của tác phẩm  **c. Phương pháp nghị luận:** để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt chung cả lớp**  **B1:** (1)GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm ( gồm 6 bạn) để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2  + Nhóm 1: Tìm hiểu phần 1  + Nhóm 2: Tìm hiểu phần 2  + Nhóm 3: Tìm hiểu phần 3  + Nhóm 4: Tìm hiểu phần 4  - Thời gian: 10 phút  (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn  (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?  (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì?  **B2**. HS làm việc theo nhóm – sau đó đại diện nhóm báo cáo kết quả  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức | **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng**  **\* Ý kiến 1. Giới thiệu tác phẩm**  - Đặc sắc của tác phẩm: có nhiều yếu tố li kì và có tính nhân văn.  => Phần mở đầu cung cấp cho người đọc những thông tin cơ bản nhất của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển*.  **\* Ý kiến 2. NT xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc**  **-** Con người luôn luôn muốn tiến ra biển, muốn làm chủ biển cả và muốn chiếm lĩnh trọn vẹn tất cả các đại dương  + Hình ảnh thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện trong *Hai vạn dặm dưới đáy biển* là một con người bí ẩn gần như huyền thoại, chính là hình tượng anh hùng mang tư tưởng của tác giả Véc – nơ  + Thuyền trưởng Nê-mô là một con người vừa có trí tuệ, vừa có tính phiêu lưu, mạo hiểm.  + Đọc *Hai vạn dặm dưới đáy biển*, người đọc được chia sẻ khát vọng khám phá cuộc sống cả về nội tâm và ngoại cảnh với nhân vật tự sự, Giáo sư A -rôn-nác, có lẽ cũng chính là hiện thân của tác giả.  =>Tác giả xây dựng được những nhân vật mang những tính cách, hành động riêng biệt, có cá tính riêng, tạo sự thu hút, hấp dẫn cho tác phẩm.  **\* Ý kiến 3. Sự sáng tạo của Véc-nơ trong tác phẩm**  **-** Véc-nơ đã ghi dấu ấn vào lịch sử văn học thế giới chính là ở những sáng tạo mang tính khoa học viễn tưởng  + Những máy móc công nghệ hiện đại.  + Những dự cảm về không gian tận đáy biển xa xôi, nơi con người chưa đặt chân đến.  => Véc-nơ có vốn hiểu biết sâu rộng về địa lí thế giới, am hiểu cặn kẽ về kiến thức vật lí, toán học, sinh học, lịch sử, tự nhiên và xã hội...Chính những điều này đã tạo nên thành công cho tác phẩm của ông.  - Đặc sắc trong tác phẩm:  + Một lối kể chuyện hấp dẫn.  + Tình huống bất ngờ, nghẹt thở, đầy kịch tính.  + Giọng văn hài hước, dí dỏm, chan chứa tình cảm yêu thương con người.  => Tạo nên sức hấp dẫn trong mọi thời đại của tác phẩm.  - Giá trị nhân văn  + Ca ngợi sức mạnh của con người.  + Thể hiện sự hòa đồng giữa con người với biển cả: con người cần biển cả, yêu biển cả, hiểu về biển cả hơn như tìm hiểu bản thân mình.  + Thể hiện tình cảm giữa con người với con người.  => Tác phẩm mang những giá trị nhân văn sâu sắc, có giá trị mọi thời đại.  **\* Ý kiến 4. Vị trí của Véc-nơ trên diễn đàn văn học thế giới**  - Nhà văn tiên phong trong thể loại khoa học viễn tưởng.  - Thể hiện khát vọng chinh phục thế giới. |

**Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến SP** |
| **Hoạt chung cả lớp**  **B1**(1) HS làm việc cặp đôi  (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về văn bản Bạch Tuộc (trích tiểu thuyết Hai vạn dặm dưới đáy biển) đã học ở Bài 3?  **B2**.HS chia sẻ phần ý kiến của mình với bạn bàn dưới  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | **3. Giá trị nhận thức**  Văn bản này giúp ta hiểu thêm về văn bản Bạch tuộc nó không chỉ là một câu chuyện phiêu lưu, mạo hiểm, mang lại cho ta những cảm xúc nhất thời, hơn hết nó mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc thể hiện khao khát muốn tìm hiểu, muốn sống chung với biển cả của nhân loại. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến SP** |
| **Bước 1.** GV đặt câu hỏi  *1. Rút ra nội dung và ý nghĩa của văn bản?*  *2. Nhận xét về nghệ thuật văn bản*  **Bước 2.** HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3.** HS trình bày  **Bước 4.** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung:*** Văn bản cho người đọc hiểu hơn về nội dung, nhân vật, sự sáng tạo trong tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển. Qua đó, người đọc cũng hiểu rõ hơn về tác giả và vị trí của ông trên diễn đàn văn học thế giới.  ***2. Nghệ thuật***  - Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.  - Bố cục mạnh lạc, làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  ***3. Những lưu ý khi đọc hiều văn bản nghị luận văn học***  - Xác định vấn đề nghị luận  - Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì?  - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?  - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và6 chính văn bản nghị luận này. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến SP** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao bài tập cho HS: Hãy viết đoạn văn ( từ 5 – 7 dòng) về nhân vật thuyền trưởng Nê-mô, trong đó có sử dụng ít nhất một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Đọc yêu cầu của bài thực hiện viết bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời HS đọc bài, chấm chữa.  - GV mời HS khác nhận xét bài của bạn.  **B4: Kết luận:** GV đánh giá bài làm của HS, nhận xét, rút kinh nghiệm. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của HS (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến SP** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**  ? Em hãy trình bày suy nghĩ của em về sức hấp dẫn của một tác phẩm mà em đã học  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tự chọn ngữ liệu, suy nghĩ và viết đoạn.  - GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.  **B3: Báo cáo, thảo luận - HS** thực hiện nhiệm vụ tại nhà.  **B4: Kết luận, nhận định (GV) -** GV kiểm tra vào tiết học hôm sau. |  |

**\*\* Hướng dẫn về nhà:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc phần định hướng, chuẩn bị trước bài “Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật”

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: 25/11/10/2024** | **Dạy** | **Ngày** | **10/12 /2024** | **12/12/2024** | **13/12 /2024** | |
| **Tiết** | **1** | **2** | **1** | |
| **Lớp** | **7B** | | |  |

**Tuần 14**

|  |
| --- |
| **TIẾT 53,54,55**  **VIẾT BÀI PHÂN TÍCH VỀ ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

+ Biết cách viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.

+ Trình bày tiết được cảm xúc, suy nghĩ và thái độ của mình về con người, sự việc nào đó trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Biết nuôi dưỡng tình những tình cảm tốt đẹp, với những con người sự việc đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc trong cuộc sống hay văn chương.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập. Máy tính, máy chiếu.

- Sách giáo khoa, vở ghi, đọc bài và trả lời câu hỏi bên dưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: điền vào chỗ trống

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức hoạt động:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy liệt kê của 3 nhân vật mà em thích nhất, với mỗi nhân vật hãy chỉ ra ít nhất 2 lí do mà em yêu thích ?

**B2: thực hiện nhiệm vụ:** - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**B3: Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân

\* Dự kiến SP: Thạch Sanh (Thật thà, chăm chỉ làm việc; Dũng cảm, nhân hậu; Vị tha...

**B4: Đánh giá và kết nối vào bài học:**  Có rất nhiều những nhân vật khác nữa, rõ ràng từ việc khẳng định mà mình yêu mến một nhân vật, mình bày tỏ cảm xúc về nhân vật đó, giống như trong một bài văn biểu cảm mà chúng ta đã từng viết, rồi cho đến việc chúng ta thuyết phục người khác nghe theo, tin theo ý kiến quan điểm của mình về cái nhân vật đó là một sự thay đổi kiểu bài và dạng bài và lần đầu tiên trong chương trình viết chúng ta được viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật và chúng ta sẽ cần phải đáp ứng những yêu cầu gì đây! Cách làm như thế nào? chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI VÀ LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được khái niệm, lưu ý, yêu cầu viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung định hướng trong sgk bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Cho ví dụ sau:** “...Ông Hai bán rắn- Tiá nuôi An- trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh. Một con thuyền nhỏ, hai vợ chồng, thằng con trai và con chó luốc đi lang thang kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rắn, lấy mật, săn cá sấu,... Gương mặt ông khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn... Đôi mắt to, sáng quắc, núp dưới cặp chân mày rậm đen. Mấy nét thôi, nhưng hiện ra cái vẻ phóng khoáng, tự tin của một đời sống tự do và từng trải.”  Theo Bùi Hồng”  ? Đây là một đoạn văn phân tích đặc điểm nhân vật. Theo em, người viết đã nêu ra những ý gì?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**Hs quan sát sách tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1, Định hướng viết bài văn phân tích về đặc điểm nhân vật** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | - Hình thức: Làm việc nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHT 1**:Yêu cầu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật vật   |  |  | | --- | --- | | 1 |  | | 2 |  | | 3 |  | | 4 |  | | 5 |  |   **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**Hs quan sát sách tìm câu trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | 1 | Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học | | 2 | Đưa ra được ý kiến, nhận xét, đánh giá của mình về dặc điểm của nhân vật đó. | | 3 | Đưa ra được lí lẽ thuyết phục, xác đáng, làm sáng tỏ ý kiến. | | 4 | Đưa ra được những dẫn chứng là các chi tiết, sự việc, lời nói, trích dẫn từ văn bản để làm sáng tỏ lí lẽ. | | 5 | Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. | | | **a. Yêu cầu** |
| - Hình thức: Cặp đôi  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:** Khi viết kiểu bài này, em cần lưu ý những gì?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**Hs quan sát sách tìm câu trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **b, Lưu ý**  - Chọn nhân vật  - Đọc kĩ tác phẩm  - Thu thập thông tin  - Nhận xét đánh giá  - Lập dàn ý cụ thể |
| **2. Thực hành**  a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng bài tập  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho hs thực hiện các bước thực hành nói và nghe..  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  \*Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | | - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Bước chuẩn bị cần có những bước cụ thể gì?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát sách tìm câu trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Thực hành**  **Bước 1: Chuẩn bị.**  **Đề cụ thể:**  + Xác định nhân vật, tác phẩm, tác giả.  + Hãy phân tích nhân vật A trong tác phẩm B của nhà văn C.  **Đề chung chung:**  + Lựa chọn nhân vật em yêu thích trong tác phẩm văn học đã học/ đọc.  + Hãy phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học mà em yêu thích. ( Liệt kê các nhân vật; Lựa chọn nhân vật ( thích, hiểu)  **Đề cụ thể:**  Đề bài: *Viết bài phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Trích tiểu thuyết “Đất rừng Phương Nam” của Đoàn giỏi).* |   \*Nhiệm vụ 2: Tìm ý và lập dàn ý   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | | - Hình thức: Thảo luận nhóm  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM Ý     |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1. Nhân vật được khắc học trên những phương diện nào? | Lai lịch |  | | Ngoại hình |  | | Hành động |  | | Lời nói |  | | Suy nghĩ |  | | MQH với nhân vật khác |  | | Lời của người kể nhận xét trực tiếp về nhân vật. |  | | 2. Qua đó, em thấy nhân vật là người như thế nào? |  | | | 3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc biệt? |  | | | 4. Ý nghĩa của hình tượng nhân vật này là gì? |  | |   **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát sách tìm câu trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  \*GV bổ sung câu hỏi  ? Em rút ra kinh nghiệm gì từ việc tìm ý?   * Đọc kỹ sách truyện và yêu cầu bài viết. * Tìm theo các phương diện của nhân vật. * Ghi chép vào hồ sơ nhân vật một cách cẩn thận, đầy đủ.   ? Từ đó rút ra các nhận xét và đưa ra ý kiến của bản thân về từng đặc điểm của nhân vật.  Chú ý:  + Bám sát dàn ý  + Tránh việc liệt kê dàn trải các dẫn chứng mà không phân tích, nhận xét, đánh giá.  + Sau khi đưa ra các ý kiến  \*GV yêu cầu HS lập dàn ý theo hướng dẫn sau:  a. Mở bài: - Giới thiệu về nhân vật, tác giả, tác phẩm.  - Nêu ý kiến tổng quan về nhân vật.  b. Thân bài: Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật:  + Lí lẽ  + Dẫn chứng  Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật.  c. Kết bài:  - Khẳng định lại ý kiến của người viết.  - Nêu ý nghĩa hình tượng nhân vật và cảm nhận về nhân vật. | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý.**  **Hoàn thiện hồ sơ nhân vật** |   **\*Dự kiến sản phẩm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1. Nhân vật được khắc học trên những phương diện nào? | Lai lịch | Quê quán, gia đình | | Ngoại hình | Thân hình, gương mặt, mái tóc, da… | | Hành động | Cử chỉ, việc làm | | Lời nói | Lời đối thoại, độc thoại( tự nói với mình) | | Suy nghĩ | Suy nghĩ, cảm xúc trong thâm tâm | | MQH với nhân vật khác | Thái độ, lời nói, hành động với nhân vật khác; nhận xét của nhân vật khác. | | Lời của người kể nhận xét trực tiếp về nhân vật. | Lời người kể giới thiệu, nhận xét về nhân vật. | | 2. Qua đó, em thấy nhân vật là người như thế nào? | Liên hệ với trải nghiệm của bản thân để nhận ra người có ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ như vậy thường có tính cách, phẩm chất như thế nào? | | | 3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc biệt? | - Ngôn ngữ sinh động, cụ thể.  - Tình huống có vấn đề, nổi bật tính cách nhân vật.  Khắc hoạ qua nhiều phương diện, có điểm nhấn. | | | 4. Ý nghĩa của hình tượng nhân vật này là gì? | - Qua nhân vật, tác giả muốn gửi gắm điều gì, bộc lộ cảm xúc thông điệp gì?  - Tác động thế nào đến người đọc? | |   \*Nhân vật Võ Tòng   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1. Nhân vật được khắc học trên những phương diện nào? | Lai lịch | - Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ.  - Không có tên tuổi, quê quán; đến đây từ mười mấy năm trước; sống cô độc một mình, không có ai làm bạn, giỏi võ; khoẻ mạnh, dung cảm: một mình giết chết con hổ chúa; có một vết sẹo từ thái dương xuống cổ sau lần giết hổ. | | Ngoại hình | - Hai hố mắt sâu hoắm và từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại sắc như dao,…  - Chú Võ Tòng xuất hiện với trang phục thoải mái: cởi trần, mặc một chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt, đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt ở bên hông, thắt cái xanh-tuya-rông. | | | Hành động | Cách uống rượu: uống bằng bát; cười lớn một thôi dài. | | | Lời nói | Nhai bậy một miếng khô nai đi, chú em… | | | Lời truyền tụng | -Ra tù, Võ Tòng không trả thù kẻ đã phá hoại gia đình mình, chỉ kêu trời một tiếng, cười nhạt rồi bỏ vào rừng sinh sống,…  - Có người kể rằng: chú Võ Tòng là người hiền lành, ở tận một vùng xa; có vợ con nhưng một lần đâm địa chủ ngang ngược, hống hách nên bị đi tù, vợ làm lẽ cho tên địa chủ nhà giàu kia, con chết; khi ra tù, Võ Tòng bỏ làng ra đến đây; sống một mình nên kì hình, dị tướng. | | | Lời nhân vật khác | Má nuôi An: chú ấy là người chất phác, thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ người khác.  Với tía nuôi An: thân thiết, quí mến, tặng nỏ. | | | 2. Qua đó, em thấy nhân vật là người như thế nào? | - Chú Võ Tòng có lai lịch rất bí ẩn.  - Ngoại hình có vẻ bặm trợn, kì dị nhưng cũng có nét gần gũi.  - Lời nói suồng sã, thẳng thắn, bộc trực.  - Hành động rắn rỏi, thể hiện tinh thần dung cảm, yêu nước. | | | 3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc biệt? | - Ngôn ngữ kể chuyện mang đậm màu sắc Nam Bộ, khắc hoạ nhân vật sinh động, cụ thể.  - Xây dựng nhân vật qua nhiều phương diện, có điểm nhấn về ngoại hình, hành động. | | | 4. Ý nghĩa của hình tượng nhân vật này là gì? | - Ca ngợi người dân Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dung, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ.  - Biểu tượng cho vẻ đẹp của con người Nam Bộ, hào sảng, trượng nghĩa, kiên trung và anh hùng. | |   \*Nhiệm vụ 3,4: viết bài và sửa chữa   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | | - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Cần viết như thế nào?  **Bước 2:** **Thực hiện:** Hs quan sát sách tìm câu trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cần kiểm tra và chỉnh sửa như thế nào?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát sách tìm câu trả lời.  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 3: Viết**  + Khi viết theo dàn ý  + Ngôn từ giàu tính biểu cảm, giàu hình ảnh.  + Gọi tên cảm xúc và lí giải.  Hãy đặt mình vào vị trí của nhân vật để hình dung và trải nghiệm qua suy nghĩ kết hợp những chi tiết trong văn bản.  **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.**  **Dựa vào bảng kiểm:** |   .. | |
|  | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**?** So sánh với dạng bài biểu cảm về nhân vật (B3) và dạng bài phân tích đặc điểm nhân vật.?

+ Giống: đối tượng: một nhân vật văn học.

+ Khác:

**- Biểu cảm về nhân vật:** Từ việc giới thiệu khái quát nhân vật bộc lộ tình cảm của bản thân và rút ra bài học nhận thức.

**- Phân tích đặc điểm nhân vật.**

+ Giới thiệu khái quát nhân vật là một ý kiến cần phải có.

+ Nêu lên đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.

+ Từ đó rút ra bài học nhận thức.

- Hs thực hiện nhiệm vụ:

**B2: thực hiện nhiệm vụ:** - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**B3: Báo cáo kết quả:**- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**B4: Đánh giá kết quả:**- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy. Viết đoạn văn nêu cảm nhận về một nhân vật mà mình yêu thích?

**\* Chuẩn bị bài nóí và nghe**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  25/11/2024 | Dạy | Ngày | 14/12/2024 |
| Tiết(TKB) | 3 |
| Lớp | 7B |

|  |
| --- |
| **TIẾT 56 - NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ** |

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức***

- HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói; tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe thảo luận nhóm về một vấn đề đã được học.

- Có khả năng nắm bắt thông tin bài nói của bạn, có thể đưa ra nhận xét, góp ý cho bạn.

- HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

***2. Năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, đưa ra ý kiến của về vấn đề

- Năng lực tiếp thu tri thức, kỹ năng của kiểu bài và hoàn thành các yêu cầu của bài tập

***3. Về phẩm chất****:*Tự tin thể hiện bản thân. Biết lắng nghe

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu y**êu cầu:

? Nhắc lại những kiến thức thảo luận nhóm về một vấn đề đã được định hướng ở bài 3 (Trang 77)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

**\*Gợi ý:**

-Thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi là dùng hình thức nói (thuyết trình) để trao đối, tranh luận về một vấn đề nào đó còn có ý kiến chưa thống nhất. Mục đích thảo luận là nêu lên những điểm thống nhất và khác biệt của các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.

-Để thực hiện thào luận nhóm về một vấn đề, các em cần chú ý:

* Lựa chọn được vấn đề gây tranh cãi (chưa thống nhất).
* Xác định các điểm đã thống nhất và các điểm còn khác biệt.
* Chuẩn bị ý kiến của cá nhân về các điểm chưa thống nhất.
* Chú ý đến thái độ, cử chỉ khi phát biểu, thảo luận.

=> HS chia sẻ nhanh suy nghĩ về một bài phút (kĩ thuật trình bày 01 phút).

**Bước 4: Đánh giá và kết nối bài học**.

Cuộc sống của chúng ta đôi khi trong một cuộc thảo luận nhóm sẽ xảy ra tranh luận, mâu thuẫn về một vấn đề nào đó. Thế nên, trước những vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên suy nghĩ, nhận xét; sử dụng lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ, đồng thời phải đưa ra được sự thống nhất trong nhóm khi tham gia thảo luận. Tiết học hôm nay sẽ tiếp tục giúp các em biết cách để thảo luận nhóm về một vấn đề.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Thực hành nói và nghe**

**\* Trước khi nói**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Đề bài***: *Có người cho rằng, phân tích đặc điềm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng " (trích tiêu thuyết “Đất rừng phương Nam ”) cùa Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ẩy. Em sẽ nêu ý kiến như thế nào trong buổi thảo luận nhóm?*

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ?**Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  **? Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?**  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ:**  + HS trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá**  - GV nhận xét và chốt  **?** Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập trình bày bài nói.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  -Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).  - Xem lại nội dung VB: *Người đàn ông cô độc giữa rừng* ở Bài 1 và các yêu cầu phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng đã nêu ở phần *Viết.*  -Tìm hiểu sự giống nhau và khác nhau giữa kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật.  -Xác định các điếm thống nhất và các điểm còn tranh cãi.  - Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với phần trình bày bài nói.  - Bổ sung tranh ảnh, video,.. (nếu cần):  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  **a. Tìm ý:**  **Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**  + Tìm ý cho bài nói qua việc đặt và trả lời các câu hỏi sau:  ? Kể lại câu chuyện về nhân vật thế nào?  =>Kể lại câu chuyện là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến câu chuyện đã xảy ra, đồng thời không cần nhận xét về nhân vật.  ? Phân tích đặc điểm nhân vật là gì?  => Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như về: lai lịch, hình dáng, suy nghĩ, lời nói, việc làm... Qua các đặc điểm của nhân vật ta có thể thấy nêu lên nhận xét của người viết về nhân vật ấy.  ? Hai yêu cầu ( kể lại và phân tích) có gì giống và khác nhau?  => Giống nhau ở chỗ: Đều dựa vào các sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong văn bản để khai thác, sử dụng vào bài nói.  => Khác nhau nhau ở chỗ:  + Kể lại: cần khách quan. Không thêm bớt và không cần nếu nhận xét của người kể lại. Kể lại thuộc kiểu văn bản tự sự  + Phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói. Phân tích thuộc kiểu văn bản nghị luận.  ? Điểm nào cần trao đổi để thống nhất ý kiến?  - Khi phân tích đặc điểm nhân vật ta chỉ nên lựa chọn những chi tiết liên quan tới nhân vật ấy trong tác phẩm, không sử dụng các chi tiết không liên quan tới nhân vật.  -Không nên liệt kê và kể lại toàn bộ câu chuyện theo các sự kiện đã có, chỉ chọn lọc những đặc điểm để làm nổi bật nhân vật được phân tích.  - Khi kể lại ta không nên liệt kê các đặc điểm của nhân vật mà cần bám sát vào các sự kiện, sự việc đã được tác giả xây dựng.  **b.** **Lập dàn ý:**  **a. Mở bài:** Nêu vấn dề: Việc kể lại câu chuyện về Võ Tòng và phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích *Người đàn ông cô độc giữa rừng* có gì giống nhau và khác nhau?  -Khẳng định ý kiến phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy là chưa chính xác.  **\*Thân bài:**  -Nêu tóm tắt yêu cầu của việc kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng:  +Kể lại câu chuyện là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến câu chuyện đã xảy ra, đồng thời không cần nhận xét về nhân vật Võ Tòng.  Ví dụ: Khi kể lại đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” ta cần bám sát vào diễn biến câu chuyện theo trình tự hợp lí đã được tác giả xây dựng:  - Kể lại việc tía nuôi dắt An đi thăm chú Võ Tòng tại nhà của chú.  - Quá khứ của chú Võ Tòng.  -Cuộc sống hiện tại của nhân vật Võ Tòng.  +Phân tích đặc điểm nhân vật: là giới thiệu mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, lời nói, việc là,…  - Nêu nhận xét của người viết về nhân vật Võ Tòng: *Võ Tòng là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc*. *Là người đàn ông khỏe mạnh, tính tình ngay thẳng, gan dạ và rất tự trọng...*  + Chỉ ra điểm giống và khác nhau của hai yêu cầu trên.   |  |  | | --- | --- | | Giống nhau | Đều dựa vào sự việc và chi tiết về nhân vật Võ Tòng trong văn bản | | Khác nhau | - Kể lại câu chuyện cần khách quan, không thêm bớt và không cần nêu nhận xét của người kể lại.  - Phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói.  - Kể lại thuộc kiểu văn bản tự sự còn phân tích nhân vật thuộc kiểu văn bản nghị luận |   **\*Kết bài:**  - Khẳng định lại những điểm giống và khác nhau giữa kể chuyện và phân tích nhân vật.  **3. Tự luyện tập và trình bày**  + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước ( trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)  + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  **4. Kiểm tra, chỉnh sửa.**  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | Giới thiệu được vấn đề: Có người cho rằng, phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Khẳng định quan điểm cá nhân. |  | | Em đã trình bày lần lượt: các lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề |  | | Em đã dùng ngôi thứ nhất để trình bày vấn đề. |  | | Em đã sử dụng giọng điệu, âm lượng, các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) hài hoà khi trình bày. |  | |

**Hoạt động 2: Thực hành nói và nghe**

a. Mục tiêu: N1- GQVĐ: Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

c. Sản phẩm: Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Lưu ý: GV có thể cho HS hoạt động theo cặp đôi, cùng xây dựng bài nói và cùng lên trình bày trước lớp (HS tự phân công các phần trong bài nói của cả 2) | **II. Thực hành nói và nghe** |

**Hoạt động 3: Trao đổi, thảo luận lớp về bài nói**

**a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.

- Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.

**b. Nội dung:**

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nói dựa trên các tiêu chí.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

**c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  GV yêu cầu HS đánh giá bài nói của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá HĐ nói gắn với các tiêu chí.  **\* GV đặt thêm câu hỏi**:  + Với người nghe*: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  + Với người nói: *Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn.  - Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **III. Đánh giá, thảo luận**  \* Bảng kiểm tra bài nói của bạn: Tham khảo phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí (phía dưới)  \* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được ý chính của bài nói trình bày ý kiến của bạn |  | | -Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của bạn; điều em tâm đắc hay điều em muốn thay đổi trong bài nói của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày ý kiến. |  | |

\*Phiếu đánh giá

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1. Giới thiệu được vấn đề trong tác phẩm tự chọn | Chưa có vấn đề để nói | Có giới thiệu vấn đề nhưng chưa gắn với vấn đề được đưa ra. | Giới thiệu ngắn gọn về yêu cầu của đề đưa ra và khẳng định được quan điểm cá nhân |
| 2. Vấn đề đưa ra thảo luận có nhiều ý kiến chưa thống nhất | Nôi dung sơ sài, chưa có lí lẽ, dẫn chứng để người nghe hiểu được nội dung vấn đề | Có lí lẽ, dẫn chứng để người nghe hiểu được nội dung vấn đề nhưng chưa hấp dẫn. | Lí lẽ sâu sắc, dẫn chứng phong phú, hấp dẫn, thuyết phục người nghe. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, chủ động thuyết trình | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần, phụ thuộc văn bản chuẩn bị sẵn | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu, chủ động thuyết trình | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng; chủ động thuyết trình |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**Bài nói tham khảo:**

Đề bài: *Có người cho rằng, phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Ý kiến của em thế nào? Hãy thảo luận nhóm về vấn đề đã nêu.*

|  |
| --- |
| **Chào hỏi, giới thiệu vấn đề bài nói:**  Xin chào các bạn, tôi là... học sinh lớp ...Hôm nay tôi ở đây để trình bày ý kiến của mình về nhận định sau. Có người cho rằng: Phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Theo ý kiến của cá nhân tôi thì ý kiến này chưa hoàn toàn chính xác.  Thứ nhất chúng ta cần hiểu thế nào là kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật. Kể lại câu chuyện về nhân vật là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến của câu chuyện đó, không cần nêu nhận xét về nhân vật, kể lại thuộc kiểu văn bản tự sự. Còn phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, lời nói, việc làm,…và nêu nhận xét của người viết về nhân vật đó, phân tích nhân vật thuộc kiểu văn bản nghị luận  Như vậy khi kể lại câu chuyện về nhân vật Võ Tòng, chúng ta chỉ cần kể lại diễn biến câu chuyện đó từ việc ông Hai đến thăm Võ Tòng, câu chuyện về quá khứ đáng thương của anh và cuộc sống cô độc hiện tại của anh ở căn lều giữa rừng U Minh. Còn khi phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng chúng ta cần chỉ ra lai lịch, xuất thân, hoàn cảnh số phận, tính cách và phẩm chất của Võ Tòng. Để từ đó trình bày những nhận xét , đánh giá của mình về nhân vật này.  Như vậy chúng ta có thể khẳng định ý kiến trên chưa thật sự đầy đủ. Mặc dù khi kể lại nhân vật hay phân tích nhân vật chúng ta đều cần dựa vào những sự việc và chi tiết cụ thể về nhân vật Võ Tòng ở trong văn bản. Tuy nhiên khi kể lại câu chuyện cần khách quan, không thêm bớt và không cần nêu nhận xét của người kể lại. Còn khi phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói.  Trên đây là những ý kiến và suy nghĩ của tôi về vấn đề đầu bài đặt ra. Rất mong sẽ nhận được những đóng góp của thầy cô và các bạn. |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP , VẬN DỤNG**

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

b. Nội dung: GV giao bài tập cho HS. HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập: TỰ ĐÁNH GIÁ “** VỀ BÀI THƠ *ÔNG* ĐỒ CỦA VŨ ĐÌNH LIÊN”

(SGK/ 98) và trả lời các câu hỏi .

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ. GV hướng dẫn HS cách làm.

Đáp án:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| C | B | D | B | A | C | B | D | C |

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận -** Tổ chức báo cáo sản phẩm trên lớp.

**Bước 4: Đánh giá** - GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

**\* GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**1. Bài cũ:**

- Ghi nhớ các kiến thức về nói và nghe

- Hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng

**2. Bài mới:** Chuẩn bị bài 5 Văn bản thông tin